

CHỈ THỊ

Về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020

Ngày 18 tháng 6 năm 2014, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Để triển khai thực hiện Luật Đầu tư công, bảo đảm sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn của Nhà nước, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước (sau đây gọi tắt là các bộ, ngành, địa phương) triển khai lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 theo quy định dưới đây:

A. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016 - 2020

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Căn cứ vào các nghị quyết của Đảng, Quốc hội về mục tiêu, định hướng phát triển trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015, kế hoạch đầu tư phát triển các năm 2011 - 2015, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng, lãnh thổ, quy hoạch phát triển ngành, trên cơ sở tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công các năm 2011 - 2013, ước thực hiện năm 2014 và dự kiến kế hoạch năm 2015, các bộ, ngành và địa phương đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011 - 2015 của bộ, ngành và địa phương quản lý phân theo từng nguồn vốn cụ thể; bao gồm: kế hoạch đầu tư nguồn NSNN (vốn ngân sách trung ương và vốn cân đối ngân sách địa phương); nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước (nguồn thu xổ số kiến thiết, các khoản thu phí, lệ phí để lại cho đầu tư,...); vốn trái phiếu Chính phủ; vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn vay khác của ngân sách địa phương; vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Trong báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công cần báo cáo phân tích sâu các nội dung sau:

1. Tình hình triển khai thực hiện kế hoạch, ngành, lĩnh vực, chương trình, dự án theo từng nguồn vốn so với kế hoạch được duyệt, bao gồm: tình hình phân bổ và điều chỉnh kế hoạch vốn hàng năm, triển khai thực hiện, kết quả giải ngân, hoàn trả các khoản vốn ứng trước, xử lý nợ đọng xây dựng cơ

bản,...; số lượng dự án điều chỉnh tổng mức đầu tư so với quyết định đầu tư ban đầu; số lượng dự án thực hiện chậm tiến độ so với quyết định đầu tư và kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt; tình hình huy động các nguồn vốn đầu tư các thành phần kinh tế khác để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công;...

2. Cơ cấu đầu tư theo từng ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng các nguồn vốn khác nhau trong giai đoạn 2011 - 2015.

3. Việc quản lý, điều hành và chấp hành các quy định trong quản lý đầu tư công trong giai đoạn 2011 - 2015, trong đó làm rõ việc quản lý, điều hành và chấp hành các quy định trong quản lý đầu tư công trước thời điểm Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 và sau khi triển khai thực hiện Chỉ thị này.

4. Các kết quả đầu tư công đã đạt được, như: năng lực tăng thêm, nâng cao chất lượng dịch vụ công,... và những tác động tới việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 của cả nước và của bộ, ngành, địa phương; việc quản lý và sử dụng các dự án đầu tư giai đoạn 2011 - 2015 đã hoàn thành và bàn giao đi vào sử dụng.

5. Các khó khăn, vướng mắc và các tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện; phân tích sâu sắc các nguyên nhân khách quan và chủ quan; trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân.

6. Các giải pháp, kiến nghị về cơ chế chính sách đến hết kế hoạch 5 năm 2011 - 2015.

II. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016 - 2020

Các bộ, ngành và địa phương tổ chức lập kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016 - 2020 nguồn vốn NSNN (bao gồm: Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương và kế hoạch đầu tư vốn cân đối ngân sách địa phương); Kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước; Kế hoạch đầu tư vốn trái phiếu Chính phủ; Kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; Kế hoạch đầu tư vốn trái phiếu chính quyền địa phương; Kế hoạch đầu tư vốn vay khác của ngân sách địa phương và Kế hoạch đầu tư vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo các quy định dưới đây:

1. Các căn cứ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn theo từng nguồn vốn

a) Tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011 - 2015, (bao gồm kế hoạch các năm 2011, 2012, 2013 và kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2014 - 2015) theo từng nguồn vốn quy định tại mục I, phần A nêu trên.

b) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của cả nước, ngành, lĩnh vực và địa phương; mục tiêu ưu tiên đầu tư trong kế hoạch 5 năm 2016 - 2020 của quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương; (trong điều kiện chưa có kế hoạch phát

triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì căn cứ vào Báo cáo Đề cương định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 đã trình Hội nghị Trung ương lần thứ 9, khóa XI, dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 chuẩn bị trình Đại hội Đảng các cấp làm căn cứ); Chiến lược nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

c) Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020 của cả nước và của địa phương; các đề án tái cơ cấu ngành, lĩnh vực, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt.

đ) Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư công theo từng nguồn vốn và theo ngành, lĩnh vực, chương trình.

e) Về cân đối nguồn vốn đầu tư công: việc xác định tổng mức vốn đầu tư công theo từng nguồn vốn căn cứ vào dự kiến tốc độ tăng trưởng kinh tế của cả nước giai đoạn 2016 - 2020 là 6,5 - 7%/năm, lạm phát khoảng 7%/năm. Dự kiến cân đối các nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 như sau:

- Vốn đầu tư từ NSNN:

Tổng chi đầu tư phát triển nguồn NSNN của cả nước: bảo đảm chi đầu tư phát triển trên tổng chi ngân sách nhà nước ở mức hợp lý, phân đấu theo tinh thần Kết luận Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (số 63-KL/TW ngày 27 tháng 5 năm 2013); trước mắt trong lập kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm 2016 - 2020, dự kiến như sau:

+ Vốn đầu tư từ NSNN của các bộ, ngành ở trung ương và vốn bổ sung có mục tiêu (chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu,...) tăng bình quân 10%/năm so với kế hoạch năm trước do Thủ tướng Chính phủ giao.

+ Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách của các địa phương (không bao gồm tiền thu sử dụng đất): trong năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước phân đấu tăng khoảng 10%, trong các năm sau giao Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ tình hình và triển vọng phát triển kinh tế và nguồn thu ngân sách địa phương và tỷ lệ điều tiết giai đoạn 2016 - 2020 xác định cụ thể mức vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương theo hướng ưu tiên cho đầu tư phát triển, tăng bình quân hàng năm khoảng 7 - 10% so với kế hoạch năm trước do Thủ tướng Chính phủ giao.

- Đối với vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương: giao Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan quản lý nguồn thu để lại căn cứ vào tình hình và triển vọng phát triển kinh tế và nguồn thu, để dự kiến cụ thể, phân đấu tốc độ tăng đạt 12 - 15%/năm so với kế hoạch năm trước.

- Vốn trái phiếu Chính phủ: cân đối trên cơ sở nguồn vốn trái phiếu Chính phủ Thủ tướng Chính phủ đã giao bổ sung cho giai đoạn 2014 - 2016.

- Vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước: dự kiến tốc độ tăng trưởng khoảng 8%/năm so với kế hoạch năm trước.

- Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài căn cứ vào các hiệp định, các cam kết và dự kiến khả năng giải ngân các nguồn vốn của các nhà tài trợ trong giai đoạn 2016 - 2020 lập kế hoạch đầu tư từ nguồn vốn này.

- Các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương: không vượt quá tổng mức huy động theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

g) Dự báo tác động của tình hình thế giới và trong nước đến sự phát triển và khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư.

h) Cơ chế và chính sách thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

2. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020

a) Việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn nhằm thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của quốc gia, của các ngành, lĩnh vực, địa phương và các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt.

b) Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác; bảo đảm các cân đối vĩ mô, ưu tiên an toàn nợ công;

c) Việc phân bổ vốn đầu tư công phải tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 do cấp có thẩm quyền quyết định.

d) Tập trung bố trí vốn đầu tư công để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của các cấp, các ngành; hoàn trả các khoản vốn NSNN ứng trước kế hoạch; các khoản vốn vay ngân sách địa phương.

đ) Không bố trí vốn cho chương trình, dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư công.

e) Bố trí đủ vốn chuẩn bị đầu tư từ kế hoạch năm 2015 và kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016 - 2020 để tổ chức lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư công khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020.

g) Đối với việc xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản, trong bố trí vốn kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016 - 2020 phân đầu thanh toán cơ bản các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2014. Từ năm 2015 trở đi, các cấp, các ngành phải quán triệt và thực hiện nghiêm các quy định của Luật Đầu tư công, không để phát sinh thêm nợ đọng xây dựng cơ bản.

h) Trong tổng số vốn kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016 - 2020, dự kiến dự phòng khoảng 15% ở cấp trung ương và các cấp chính quyền địa phương để xử lý các biến cố do trượt giá, đầu tư các dự án khẩn cấp, các vấn đề phát sinh theo quy định của Luật Đầu tư công trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn vào từng năm cụ thể.

i) Bảo đảm công khai, minh bạch và công bằng trong lập kế hoạch đầu tư công trung hạn.

k) Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành và nâng cao hiệu quả đầu tư.

3. Rà soát danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2011 - 2015 chuyển tiếp và các dự án đầu tư công khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020

a) Rà soát danh mục dự án chuyển tiếp đang được đầu tư từ vốn đầu tư công

- Các dự án thuộc đối tượng rà soát là các dự án đang được đầu tư trong kế hoạch đầu tư công đã được duyệt, được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư;

- Các bộ, ngành và địa phương tổ chức rà soát, lập danh mục các dự án đang đầu tư theo từng nguồn vốn; chia ra nhóm các dự án: (1) Danh mục dự án hoàn thành và đã bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31 tháng 12 năm 2014 nhưng chưa bố trí đủ vốn; (2) Danh mục dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2015; (3) Danh mục dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020; (4) Danh mục dự án hoàn thành sau năm 2020.

b) Rà soát danh mục các dự án khởi công mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày Luật Đầu tư công có hiệu lực nhưng chưa được bố trí vốn

Các bộ, ngành và địa phương tổ chức rà soát, lập danh mục các dự án khởi công mới theo từng nguồn vốn phân loại như sau:

- Dự án quan trọng quốc gia đã được Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư.

- Dự án đã có trong kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Dự án đã được cấp có thẩm quyền thẩm định nguồn vốn và cân đối vốn giai đoạn 2016 - 2020 để thực hiện.

- Dự án chưa có trong kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chưa thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Đối với các dự án này, phải thực hiện việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo quy định của Luật Đầu tư công.

c) Danh mục các dự án khởi công mới (không bao gồm các dự án quy định tại tiết b nêu trên) dự kiến bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020: Các bộ, ngành và địa phương dự kiến danh mục và chuẩn bị các hồ sơ, thủ tục gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.

4. Xác định số nợ đọng xây dựng cơ bản đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

a) Các bộ, ngành và địa phương rà soát báo cáo tình hình xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản của các dự án đầu tư công theo từng nguồn vốn đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2014.

b) Các bộ, ngành và địa phương để phát sinh các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 (sau thời điểm Luật Đầu tư công có hiệu lực thi hành) bị xử lý vi phạm theo các quy định tại Luật Đầu tư công.

5. Lập danh mục và bố trí vốn kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016 - 2020 cho các dự án đầu tư công

a) Trên cơ sở các căn cứ và các nguyên tắc, tiêu chí quy định tại điểm 1 và 2 của Mục II này, các bộ, ngành và địa phương lựa chọn danh mục và bố trí vốn kế hoạch đầu tư trung hạn của từng nguồn vốn trong từng ngành, lĩnh vực, chương trình theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31 tháng 12 năm 2014 nhưng chưa bố trí đủ vốn.

- Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2015.

- Vốn đối ứng cho chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.

- Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 chuyển sang giai đoạn 2016 - 2020 thực hiện theo tiến độ được phê duyệt.

- Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020.

- Dự án khởi công mới phải đáp ứng các quy định sau:

+ Sau khi đã xử lý thanh toán dứt điểm các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014;

+ Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư và các dự án thuộc đối tượng quy định tại tiết b điểm 3 trên đây (do Luật Đầu tư công có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, do đó yêu cầu các bộ, ngành và địa phương khẩn trương chuẩn bị các hồ sơ cần thiết ngay trong năm 2014 đối với các dự án khởi công mới dự kiến triển khai trong giai đoạn 2016 - 2020, để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư từ ngày 01 tháng 01 năm 2015);

+ Bảo đảm bố trí đủ vốn giai đoạn 2016 - 2020 để hoàn thành chương trình, dự án theo tiến độ đầu tư đã được phê duyệt.

b) Đối với các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011 - 2015 sử dụng vốn NSNN, bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương; vốn trái phiếu Chính phủ và các nguồn vốn đầu tư công khác nhưng không bố trí được kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm 2016 - 2020, cần rà soát phân loại và xử lý như sau:

- Nhóm 1: Đối với các dự án có khả năng chuyển đổi sang các hình thức đầu tư khác.

Các bộ, ngành, địa phương tiến hành rà soát, phân tích và lập danh mục các dự án có khả năng chuyển đổi sang đầu tư theo hình thức hợp tác công tư hoặc các hình thức đầu tư khác, bao gồm: các dự án có thể thu phí để hoàn vốn đầu tư; các dự án có thể thanh toán bằng quyền sử dụng đất; các dự án có thể bán hoặc chuyển nhượng cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Việc chuyển đổi hình thức các dự án đang được đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ, các nguồn vốn đầu tư công khác nhưng không đủ nguồn bố trí tiếp kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020, các bộ, ngành và địa phương phải có kế hoạch, chương trình tổ chức kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào từng dự án cụ thể. Đề xuất phương án xử lý số vốn NSNN, vốn trái phiếu Chính phủ, các nguồn vốn đầu tư công khác đã bố trí cho các dự án chuyển đổi theo hướng: Nhà nước rút toàn bộ vốn đã đầu tư vào dự án, hoặc góp phần vốn đã đầu tư cùng doanh nghiệp để tiếp tục đầu tư dự án và cùng khai thác, hoặc chuyển toàn bộ vốn đã đầu tư vào dự án cho chủ đầu tư mới.

- Nhóm 2: Đối với các dự án không thể chuyển đổi được sang các hình thức đầu tư khác, các bộ, ngành, địa phương chủ động huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện.

- Nhóm 3: Các dự án đầu tư thật sự không hiệu quả thì không bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020.

c) Đối với kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ: Việc bố trí vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012 - 2015 và bổ sung vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2014 - 2016 đã cơ bản xử lý dứt điểm các dự án có trong danh mục đầu tư từ trái phiếu Chính phủ (phần nguồn vốn trái phiếu Chính phủ). Hiện nay chưa có chủ trương mở mới các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016 - 2020. Do đó, các bộ, ngành và địa phương chỉ tổng hợp danh mục các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ hoàn thành sau năm 2015, được bổ sung giai đoạn 2014 - 2016.

d) Đối với kế hoạch vốn trái phiếu chính quyền địa phương và các khoản vốn vay của ngân sách địa phương: việc bố trí vốn kế hoạch thực hiện theo quy định nêu trên, nhưng danh mục dự án phải thuộc danh mục các dự án sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn đầu tư từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương. Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn 5 năm 2016 - 2020 nguồn vốn này phải phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư ngân sách địa phương 5 năm 2016 - 2020 và hoàn trả đúng hạn các khoản vốn vay.

B. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2011 - 2015 VÀ XÂY DỰNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU TRIỂN KHAI GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Các cơ quan được giao là chủ chương trình, các bộ, ngành, địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu tổ chức đánh giá tình hình thực hiện các chương trình theo các nội dung dưới đây:

1. Tình hình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu giai đoạn 2011 - 2015.

2. Tình hình phân bổ và giao vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu giai đoạn 2011 - 2014; tình hình lồng ghép giữa các chương trình; tình hình huy động nguồn lực và lồng ghép các nguồn vốn thực hiện chương trình giai đoạn 2011 - 2014 và dự kiến năm 2015.

3. Việc quản lý, điều hành và chấp hành các quy định trong quản lý chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2011 - 2015.

4. Các kết quả đạt được, trong đó làm rõ kết quả đạt được các mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các khó khăn, vướng mắc và các tồn tại, hạn chế trong việc triển khai thực hiện, làm rõ các nguyên nhân khách quan, chủ quan và trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân.

5. Các giải pháp, chính sách đến hết kế hoạch 5 năm 2011 - 2015 nhằm thực hiện tốt các mục tiêu của các chương trình đã đề ra.

II. DỰ KIẾN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Trên cơ sở các chương trình mục tiêu đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt trước năm 2014 và kết quả đánh giá tình hình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu giai đoạn 2011 - 2015 nêu trên; do khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công 5 năm 2016 - 2020 có hạn, để bảo đảm tập trung nguồn vốn đầu tư công cho các chương trình thật sự cần thiết, không xé lẻ vốn cho nhiều chương trình và tạo điều kiện cho các bộ, ngành địa phương có quyền chủ động trong việc bố trí vốn tập trung, có hiệu quả, yêu cầu các cơ quan được giao là chủ chương trình đề xuất các chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020 theo nguyên tắc sau:

1. Giai đoạn 2016 - 2020 chỉ thực hiện 2 chương trình mục tiêu quốc gia là Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

2. Giảm tối đa số lượng chương trình mục tiêu trong giai đoạn 2016 - 2020 theo hướng lồng ghép các chương trình có cùng mục tiêu, nhiệm vụ. Trong từng ngành, lĩnh vực (nếu cần thiết có chương trình mục tiêu) chỉ đề xuất cấp có thẩm quyền phê duyệt không quá 2 chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020.

3. Các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu dự kiến triển khai thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020 phải bảo đảm:

a) Phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành, lĩnh vực.

b) Được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia phải được Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư chậm nhất trong kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII; các chương trình mục tiêu sử dụng vốn ngân sách Trung ương phải được Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư trước ngày 31 tháng 12 năm 2014.

c) Cân đối nguồn vốn đầu tư công và huy động được các nguồn vốn khác để thực hiện chương trình.

d) Việc phân bổ vốn các chương trình, dự án phải thực hiện theo đúng các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Phải xây dựng được các giải pháp, chính sách để thực hiện chương trình.

III. XỬ LÝ ĐỐI VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2011 - 2015 KHÔNG TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

- Từ nay đến hết năm 2015, các bộ, ngành, địa phương tập trung chỉ đạo để hoàn thành dứt điểm, đưa vào sử dụng các dự án đầu tư dở dang; không mở thêm các dự án đầu tư mới. Trường hợp một số ít dự án dở dang do lý do khách quan, chưa thể hoàn thành trong năm 2015, bố trí vốn đầu tư nguồn NSNN và các nguồn vốn khác giai đoạn 2016 - 2020 để hoàn thành dứt điểm dự án hoặc các hạng mục quan trọng của dự án đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả.

- Các mục tiêu, nhiệm vụ của các chương trình chuyển sang nhiệm vụ thường xuyên và bố trí trong ngân sách của các bộ, ngành trung ương và ngân sách trong cân đối của địa phương để thực hiện.

C. TIẾN ĐỘ, PHÂN CÔNG TỔ CHỨC TRIỂN KHAI LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016 - 2020

I. TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Trước ngày 15 tháng 8 năm 2014, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các bộ, ngành và địa phương đánh giá tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011 - 2015, bao gồm cả đánh giá tình hình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu và xây dựng mục tiêu, yêu cầu, nội dung, thời gian, tiến độ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020.

2. Căn cứ Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 31 tháng 8 năm 2014 hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 của bộ, ngành và địa phương mình quản lý.

3. Các bộ, ngành và địa phương tổ chức lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 trong phạm vi nhiệm vụ được giao và nguồn vốn thuộc cấp mình quản lý báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét và hoàn chỉnh kế hoạch gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. Từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 4 năm 2015, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định kế hoạch và phương án phân bổ vốn kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước của các bộ, ngành và địa phương.

5. Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các bộ, ngành và địa phương hoàn thiện kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định của Luật Đầu tư công và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 6 năm 2015.

6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính rà soát và tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2010 báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 31 tháng 7 năm 2015.

II. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM VÀ TIẾN ĐỘ ĐỀ XUẤT CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

1. Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu sử dụng vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011 - 2015

a) Các cơ quan, đơn vị thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu tổ chức đánh giá tình hình triển khai thực hiện theo quy định tại mục I, phần B trên đây gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, cơ quan chủ trì quản lý chương trình trước ngày 30 tháng 9 năm 2014.

b) Cơ quan chủ trì, quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu tổ chức đánh giá tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu giai đoạn 2011 - 2015 và đề xuất hai chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới, chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020 (nếu có) gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 10 năm 2014.

c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp đánh giá tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu giai đoạn 2011 - 2015 báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 31 tháng 12 năm 2014.

d) Đối với hai chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới và các chương trình mục tiêu tiếp tục đề nghị triển khai trong giai đoạn 2016 - 2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định Nhà nước để thẩm định hai chương trình mục tiêu quốc gia; thành lập Hội đồng liên ngành hoặc chủ trì thẩm định các chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020 theo quy định tại Luật Đầu tư công và phân công của Thủ tướng Chính phủ báo cáo Chính phủ trước ngày 31 tháng 12 năm 2014.

2. Đối với các chương trình mục tiêu mới giai đoạn 2016 - 2020 sử dụng vốn ngân sách trung ương

a) Cơ quan chủ trì, quản lý chương trình xây dựng báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 10 năm 2014.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng liên ngành hoặc chủ trì thẩm định các chương trình mới theo quy định tại Luật Đầu tư công và phân công của Thủ tướng Chính phủ báo cáo Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư trước ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các chương trình mục tiêu đề xuất sau ngày 31 tháng 10 năm 2014, không bố trí vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016 - 2020 để thực hiện chương trình.

3. Đối với các chương trình mục tiêu sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định thời gian đánh giá tình hình thực hiện các chương trình và tổ chức thẩm định, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định theo đúng quy định của Luật Đầu tư công.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Chủ trì hướng dẫn việc triển khai thực hiện Chỉ thị này.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2016 - 2020 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước ngày 31 tháng 3 năm 2015 làm cơ sở để phân bổ vốn kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSNN.

c) Rà soát và tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn của cả nước 5 năm 2016 - 2020 báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo đúng thời gian quy định.

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ các biện pháp cần thiết xử lý đối với các tồn tại của các dự án sử dụng vốn đầu tư công trong giai đoạn 2011 - 2015 nhưng phải giãn tiến độ thực hiện.

2. Bộ Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xác định nguồn thu và cân đối thu chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020, trong đó bảo đảm chi đầu tư phát triển trên tổng chi ngân sách nhà nước ở mức hợp lý, phân đấu theo tinh thần Kết luận Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (số 63-KL/TW ngày 27 tháng 5 năm 2013); khả năng phát hành trái phiếu Chính phủ và các cân đối tài chính có liên quan trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 31 tháng 01 năm 2015.

Đồng thời, chỉ đạo hướng dẫn các địa phương, các cơ quan thuế, hải quan và tài chính địa phương tính toán xác định các nguồn thu và dự kiến cơ cấu chi ngân sách địa phương và các nguồn thu để lại cho đầu tư do địa phương quản lý.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên nguồn NSNN giai đoạn 2016 - 2020 báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước ngày 31 tháng 3 năm 2015 làm cơ sở để xác định tỷ lệ điều tiết ngân sách nhà nước cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2016 - 2020.

c) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn.

3. Ngân hàng Phát triển Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính đánh giá toàn bộ tình hình thực hiện kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước giai đoạn 2011 - 2015 và kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước 5 năm 2016 - 2020 theo thời gian quy định về lập kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 quy định tại mục I, Phần này.

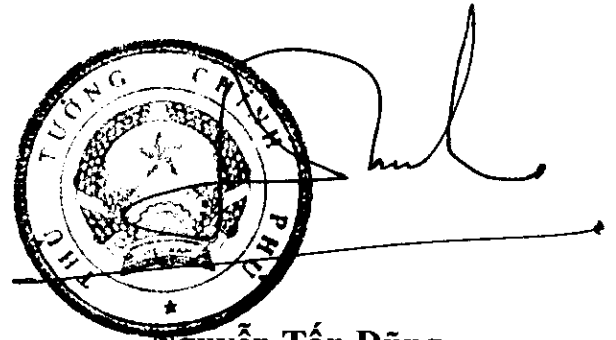
4. Các bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước căn cứ chức năng, nhiệm vụ và những quy định trong Chỉ thị này, khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện để bảo đảm việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 có chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm hướng dẫn chi tiết việc thực hiện Chỉ thị này và theo dõi, đôn đốc báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình, tiến độ triển khai lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTCP, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT (3b). 365

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng